

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2019/HS-ST**
Ngày: 13/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Ky.

2. Ông Nguyễn Hoàng Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thanh Lê Anh Tuấn, Thư ký tòa án huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Hứa Hải Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2019/HSST, ngày 12/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm 1995, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: thôn S1, xã S, huyện W, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: làm biển; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc B và bà: Nguyễn Thị Minh C; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: không;

Tiền án: 02 tiền án:

Tại bản án số 27/2014/HSST ngày 13/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong tuyên phạt Nguyễn Ngọc A 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 12 tháng tù lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc chấp hành chung cho cả 02 tội là 24 tháng tù. (Chưa được xóa án tích)

Tại bản án số 77/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong tuyên phạt Nguyễn Ngọc A 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 27/11/2018 chấp hành xong hình phạt. (Chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt ngày 01.3.2019 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong. Có mặt.

- **Bị hại:** Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Thôn S1, xã S, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Phạm Xuân F, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn S1, xã S, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

2. Thái Thị Thanh F1, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn S1, xã S, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3. Phạm Thị Kim F2, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn S1, xã S, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

4. Nguyễn Thị F3, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn S1, xã S, huyện W, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/3/2019 Nguyễn Ngọc A sinh năm 1995 đang nằm trên võng tại nhà của A ở thôn S1, xã S, huyện W. A nhìn thấy Thái Thị Thanh F1 đến nhà A trả xe mô tô biển số 86B1-155.10 hiệu Sirius, màu vàng đen cho Nguyễn Thị Minh C (là mẹ ruột A) do F1 mượn xe của C từ trước đó. F1 dựng xe mô tô trước nhà sau đó đưa chìa khóa xe cho C. A nhìn thấy C để chiếc chìa khóa xe trên đầu tủ rồi C và F1 đi ra phía sau nhà nên A nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô biển số 86B1-155.10 của C bán kiếm tiền tiêu xài. A lấy chìa khóa xe, tra vào ổ khóa rồi cho nổ xe chạy đến tiệm Internet gần nhà, A mở cốp xe ra kiểm tra thì nhìn thấy trong cốp xe có 01 giấy đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Minh C. A điều khiển xe chạy đến nhà Phạm Xuân F (cu F) sinh năm 1991 là bạn của A. A nhờ F mang xe mô tô vừa trộm cắp được đi cầm cố, F hỏi A: “xe ở đâu” thì A nói “xe người nhà nhờ đem đi thế dùm” thì F đồng ý cầm thế xe dùm A. A chở F đi đến đoạn đường S – U gần Đồn biên phòng Hòa Minh thì nhìn thấy F1 và C, C nói A dừng xe lại nhưng A không dừng mà tiếp tục chạy ra đường Quốc lộ 1A đến tiệm cầm đồ AZ do Nguyễn Thị F3 làm chủ tại thôn S1, xã S. A đưa xe biển số 86B1-155.10 nhờ F cầm với số tiền 3.000.000 đồng. Trong lúc F đang trao đổi cầm thế xe mô tô thì Phạm Thị Kim F2 là hàng xóm của C phát hiện nên gọi điện thoại báo cho C. C đến tiệm cầm đồ của F3 sau đó gọi điện trình báo Công an xã Chí Công thu giữ tang vật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 01.3.2019 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Tuy Phong kết luận: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen – vàng biển số 86B1-155.10, có giá trị 21.3000.000 đồng/chiếc x 65% = **13.845.000** đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 32/CT-VKS-TP ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A mức án từ **24** tháng đến **30** tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 32/CT-VKS-TP ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận đây là vụ án trộm cắp tài sản, xảy ra vào khoảng 9 giờ ngày 01/3/2019 tại thôn S1, xã S, huyện W. Nguyễn Ngọc A đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển số 86B1-155.10 của Nguyễn Thị Minh C trị giá 13.845.000 đồng đem cầm cố xe cho Nguyễn Thị F3 để lấy tiền tiêu xài thì bị phát hiện, thu giữ. Nhân thân bị cáo đã có 02 tiền án nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm.

Vì vậy, Cáo trạng số 32/CT-VKS-TP ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là công dân có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã lấy trộm 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen – vàng biển số 86B1-155.10, có giá trị 13.845.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải tuyên phạt các bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc đủ để răn đe, giáo dục và tuyên truyền phòng ngừa chung.

Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo, trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo xét thấy rằng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Riêng đối với Nguyễn Thị F3 không biết tài sản do A trộm cắp mà có, nên không xem xét xử lý.

[4] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo đã gây ra.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô biển số 86B1-155.10, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy phép lái xe cho bị hại Nguyễn Thị Minh C và 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng minh nhân dân cho Nguyễn Thị Minh C là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A mức án **30 (ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01.3.2019.

[2] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, bị hại báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/6/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Trí